

## THÔNG TIN

### Tuyển sinh đào tạo Sĩ quan Chỉ huy - Tham mưu Pháo binh cấp phân đội trình độ đại học năm 2025

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Tên trường

- Tên trường bằng tiếng Việt: Trường Sĩ quan Pháo binh  
- Tên trường bằng tiếng Anh: The College of Artillery Officer's Training  
- Sứ mệnh của Nhà trường: Trường Sĩ quan Pháo binh là trung tâm giáo dục - đào tạo sĩ quan chỉ huy phân đội pháo binh trình độ đại học và nghiên cứu khoa học quân sự pháo binh, khoa học xã hội nhân văn quân sự; thực hiện hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành pháo binh; cung cấp nguồn nhân lực pháo binh chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng pháo binh toàn quân, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

##### 2. Mã trường, mã ngành

- Mã trường: PBH  
- Mã ngành: 7860205

##### 3. Địa chỉ

Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

##### 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Website: <http://www.tsqpb.edu.vn>  
- Email: [tuyensinhsqpb@gmail.com](mailto:tuyensinhsqpb@gmail.com)

##### 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

Di động: 0986 200 992

##### 6. Tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp

| Khối ngành/ngành | Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH | Số HV trúng tuyển nhập học ĐH | Số HV tốt nghiệp ĐH | Số HV tốt nghiệp ĐH đã có việc làm sau 12 tháng |
|------------------|------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------|
| Khối ngành VII   | 156                    | 153                           | 153                 | 153                                             |
| <b>Tổng</b>      | <b>156</b>             | <b>153</b>                    | <b>153</b>          | <b>153</b>                                      |

##### 7. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

###### 7.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển học sinh giỏi bậc Trung học phổ thông (THPT);  
- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do các trường đại học trong nước tổ chức (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh);  
- Xét tuyển dựa vào học bạ THPT;  
- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

## 7.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

| <b>Nhóm ngành/ngành/<br/>tổ hợp xét tuyển</b>                                                                | <b>Năm 2023</b> |                       |                                                                                                                                                                                           | <b>Năm 2024</b> |                       |                                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                              | <b>Chỉ tiêu</b> | <b>Số trúng tuyển</b> | <b>Điểm trúng tuyển</b>                                                                                                                                                                   | <b>Chỉ tiêu</b> | <b>Số trúng tuyển</b> | <b>Điểm trúng tuyển</b>                                                                                                                                                                   |
| Nhóm ngành VII<br>Chỉ huy tham mưu Pháo binh/Tổ hợp xét tuyển:<br>Năm 2022: A00; A01.<br>Năm 2023: A00; A01. | 208             | 208                   | - Xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT:<br>+ Miền Bắc: 22.75<br>+ Miền Nam: 22.30<br>- Xét tuyển bổ sung từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT:<br>+ Miền Bắc: 22.75<br>+ Miền Nam: 22.40 | 221             | 221                   | - Xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT:<br>+ Miền Bắc: 21.70<br>+ Miền Nam: 22.25<br>- Xét tuyển bổ sung từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT:<br>+ Miền Bắc: 25.38<br>+ Miền Nam: 24.82 |
| <b>Tổng</b>                                                                                                  | <b>208</b>      | <b>208</b>            |                                                                                                                                                                                           | <b>221</b>      | <b>221</b>            |                                                                                                                                                                                           |

### 8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

| <b>T<br/>T</b> | <b>Tên ngành</b>           | <b>Mã<br/>ngành</b> | <b>Số văn bản<br/>mở ngành</b> | <b>Ngày<br/>tháng<br/>năm ban<br/>hành văn<br/>bản cho<br/>phép mở<br/>ngành</b> | <b>Số quyết<br/>định<br/>chuyển đổi<br/>mã hoặc<br/>tên ngành<br/>(gần nhất)</b> | <b>Ngày<br/>tháng năm<br/>ban hành<br/>văn bản<br/>chuyển đổi<br/>mã hoặc<br/>tên ngành<br/>(gần nhất)</b> | <b>Trường tự<br/>chủ ban<br/>hành hoặc<br/>Cơ quan<br/>có thẩm<br/>quyền cho<br/>phép</b> | <b>Năm<br/>bắt đầu<br/>đào tạo</b> | <b>Năm đã<br/>tuyển sinh và<br/>đào tạo gần<br/>nhất với năm<br/>tuyển sinh</b> |
|----------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| <i>(1)</i>     | <i>(2)</i>                 | <i>(3)</i>          | <i>(4)</i>                     | <i>(5)</i>                                                                       | <i>(6)</i>                                                                       | <i>(7)</i>                                                                                                 | <i>(8)</i>                                                                                | <i>(9)</i>                         | <i>(10)</i>                                                                     |
| 1              | Chỉ huy Tham mưu Pháo binh | 7860205             | 180/1998/QĐ-TTg                | 21/9/1998                                                                        |                                                                                  |                                                                                                            |                                                                                           | 1994                               | 2024                                                                            |

## 9. Điều kiện bảo đảm chất lượng

### 9.1. Quy mô đào tạo

Số liệu ngày 31/12/2024

| Khối ngành/ Nhóm ngành* | Quy mô hiện tại |             |              |       |              |       |                       |
|-------------------------|-----------------|-------------|--------------|-------|--------------|-------|-----------------------|
|                         | NCS             | Học viên CH | ĐH           |       | CĐSP         |       | TCSP                  |
|                         |                 |             | GD chính quy | GD TX | GD chính quy | GD TX | GD chính quy<br>GD TX |
| Khối ngành VII          |                 |             | 834          |       |              |       |                       |
| <b>Tổng</b>             |                 |             | <b>834</b>   |       |              |       |                       |

### 9.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

#### 9.2.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 792.610,2 m<sup>2</sup>;

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 21.360 m<sup>2</sup>;

- Nhà trường bảo đảm 100% học viên ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại.

#### 9.2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

| TT | Tên                                                                                                                                                               | Danh mục trang thiết bị chính                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | Phòng thực hành ngoại ngữ:                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    | - Phòng thực hành ngoại ngữ 1<br>- Phòng thực hành ngoại ngữ 2<br>- Phòng thực hành ngoại ngữ 3<br>- Phòng thực hành ngoại ngữ 4<br>- Phòng thực hành ngoại ngữ 5 | - Tên thiết bị 1: Hệ thống giảng dạy ngoại ngữ<br>- Tên thiết bị 2: Hệ thống giảng dạy ngoại ngữ<br>- Tên thiết bị 3: Hệ thống giảng dạy ngoại ngữ<br>- Tên thiết bị 4: Hệ thống giảng dạy ngoại ngữ<br>- Tên thiết bị 5: Hệ thống giảng dạy ngoại ngữ |
| 2. | Phòng thực hành công nghệ thông tin                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    | - Phòng công nghệ thông tin 1<br>- Phòng công nghệ thông tin 2<br>- Phòng công nghệ thông tin 3<br>- Phòng công nghệ thông tin 4                                  | - Tên thiết bị 1: Hệ thống máy tính<br>- Tên thiết bị 2: Hệ thống máy tính<br>- Tên thiết bị 3: Hệ thống máy tính<br>- Tên thiết bị 4: Hệ thống máy tính                                                                                               |
| 3. | Phòng mô phỏng                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    |                                                                                                                                                                   | - Tên thiết bị 1: Máy tính.<br>- Tên thiết bị 2: Máy chiếu + Màn hình lớn                                                                                                                                                                              |
| 4. | Phòng thực hành xe quân sự                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    |                                                                                                                                                                   | - Tên thiết bị: Xe quân sự                                                                                                                                                                                                                             |
| 5. | Phòng thí nghiệm vật lý                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                        |

| TT | Tên | Danh mục trang thiết bị chính                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |     | - Tên thiết bị 1: Máy Atwood<br>- Tên thiết bị 2: Bộ thí nghiệm xác định mô men quán tính của bánh xe và ma sát ổ trục<br>- Tên thiết bị 3: Con lắc thuận nghịch<br>- Tên thiết bị 4: Xác định bước sóng và vận tốc âm<br>- Tên thiết bị 5: Máy xác định tỉ số nhiệt dung phân tử |

### 9.2.3. Thống kê phòng học

| TT | Loại phòng                             | Số lượng |
|----|----------------------------------------|----------|
| 1. | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | 0        |
| 2. | Phòng học từ 100 - 200 chỗ             | 0        |
| 3. | Phòng học từ 50 - 100 chỗ              | 15       |
| 4. | Số phòng học dưới 50 chỗ               | 68       |
| 5. | Số phòng học đa phương tiện            | 9        |

9.2.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

| TT | Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành | Số lượng     |
|----|-------------------------------|--------------|
| 1. | Khối ngành VII                | 108.168 cuốn |

### 9.3. Danh sách giảng viên cơ hữu

| Khối ngành/<br>ngành                  | GS.TS/<br>GS.TSKH | PGS.TS/<br>PGS.TSKH | TS/<br>TSKH | ThS | ĐH  | CD       |
|---------------------------------------|-------------------|---------------------|-------------|-----|-----|----------|
| <b>Khối ngành VII</b>                 |                   |                     |             |     |     |          |
| <b>Tổng số giảng viên toàn trường</b> |                   |                     | 14          | 137 | 120 | <b>0</b> |

## II. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025

### 1. Đối tượng, độ tuổi tuyển sinh

#### 1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ 12 tháng trở lên, tính đến tháng 4 năm tuyển sinh (quân nhân nhập ngũ từ năm 2024 trở về trước); quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ Quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh);

- Nam thanh niên ngoài Quân đội (kể cả quân nhân đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân), số lượng đăng ký dự tuyển không hạn chế.

#### 1.2. Độ tuổi của thí sinh (tính đến năm dự tuyển)

- Thanh niên ngoài Quân đội từ 17 đến 21 tuổi;
- Quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân từ 18 đến 23 tuổi.

## **2. Phạm vi tuyển sinh**

Tuyển thí sinh nam trong cả nước.

## **3. Phương thức tuyển sinh**

Năm 2025, Trường Sĩ quan Pháo binh sử dụng 3 phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), quy định của Bộ Quốc phòng (BQP).
- Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển từ kết quả kỳ thi ĐGNL do các trường đại học trong nước tổ chức năm 2025 (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh).
- Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

## **4. Chỉ tiêu tuyển sinh**

| <b>Ngành học</b>                             | <b>Ký hiệu trường</b> | <b>Mã Ngành</b> | <b>Tổ hợp xét tuyển</b>                                             | <b>Chỉ tiêu</b> |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Ngành Chỉ huy Tham mưu Pháo binh             | PBH                   | 7860205         | A00: Toán, Lý, Hóa<br>A01: Toán, Lý, tiếng Anh<br>C01 Toán, Lý, Văn | <b>221</b>      |
| - <i>Thí sinh có nơi thường trú phía Bắc</i> |                       |                 |                                                                     | 133             |
| - <i>Thí sinh có nơi thường trú phía Nam</i> |                       |                 |                                                                     | 88              |

## **5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển**

### **5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**

Nhà trường dựa trên cơ sở phổ điểm kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT và điểm quy đổi tương đương của phương thức xét tuyển bằng kết quả thi ĐGNL năm 2025, xây dựng phương án ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự (TSQS)/Binh chủng Pháo binh và Ban TSQS/BQP. Khi có quyết định phê duyệt phương án ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Ban TSQS/BQP, Nhà trường sẽ đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của Nhà trường.

### **5.2. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển**

- Trường Sĩ quan Pháo binh chỉ nhận hồ sơ xét tuyển đại học quân sự đối với những thí sinh đã qua sơ tuyển, có đủ tiêu chuẩn quy định của BQP, dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm đăng ký xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển đại học, các môn thi (xét tuyển) phải theo đúng tổ hợp xét tuyển của Nhà trường hoặc sử dụng kết quả kỳ thi ĐGNL do các trường đại học trong nước tổ chức năm 2025 (Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh) để

xét tuyển;

- Trường hợp thí sinh không gửi hoặc gửi không đủ hồ sơ xét tuyển, đăng ký không đúng tổ hợp xét tuyển của trường đã nộp hồ sơ sơ tuyển hoặc nhóm trường thí sinh đã sơ tuyển theo đúng thời gian quy định của Bộ GD&ĐT, BQP thì sẽ mất quyền xét tuyển nguyện vọng 1;

- Đối với thí sinh không đủ điều kiện sơ tuyển hoặc nộp hồ sơ xét tuyển vào trường không cùng nhóm đăng ký xét tuyển với Trường Sĩ quan Pháo binh, thì không được xét tuyển nguyện vọng 1 vào trường;

- Trong xét tuyển đợt 1, Trường Sĩ quan Pháo binh chỉ xét tuyển vào hệ đào tạo đại học quân sự đối với các thí sinh đã qua sơ tuyển vào trường, phải đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất); các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội; nếu thí sinh không đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất), sẽ không được tham gia xét tuyển;

- Sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT, thí sinh được đăng ký xét tuyển vào một trong các trường Quân đội theo nhóm 1 theo đúng vùng miền và đối tượng tuyển sinh gồm các học viện, trường như sau: Học viện Hậu cần, Hải quân, Biên phòng, Phòng không - Không quân (hệ Chỉ huy tham mưu) và các trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Đặc công, Tăng Thiết giáp, Phòng hóa, Thông tin, Công binh;

- Trên cơ sở kết quả đăng ký xét tuyển theo ngành của thí sinh, theo các phương thức xét tuyển và chỉ tiêu đào tạo, Nhà trường đề xuất điểm chuẩn nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất), báo cáo Ban TSQS/Binh chủng Pháo binh, Ban TSQS/BQP. Sau khi có thông báo điểm chuẩn của Ban TSQS/BQP, Nhà trường sẽ cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;

- Thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào Trường Sĩ quan Pháo binh, sẽ được xét tuyển các nguyện vọng kế tiếp vào các trường ngoài Quân đội, theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đăng ký nguyện vọng theo mã ngành, mã trường không cần đăng ký tổ hợp. Thí sinh nhập lên hệ thống các minh chứng cần thiết (ngoài dữ liệu điểm THPT và kết quả thi tốt nghiệp THPT được Bộ GD&ĐT cập nhật sẵn). Phần mềm sẽ xử lý để xác nhận thí sinh trúng tuyển theo tổ hợp môn có điểm cao hơn, đúng với mã ngành của trường đã đăng ký và vào nguyện vọng được xếp ưu tiên cao nhất mà thí sinh đủ điều kiện đỗ.

#### **6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển**

- Mã trường: PBH;
- Mã ngành: 7860205;
- Tên ngành: Chỉ huy Tham mưu Pháo binh;
- Nhà trường thực hiện một điểm chuẩn chung cho 3 tổ hợp xét tuyển (A00, A01, C01):

- Thực hiện một điểm chuẩn chung với thí sinh là quân nhân và thanh niên ngoài Quân đội. Xác định điểm chuẩn riêng theo thí sinh có nơi thường trú ở khu vực phía Bắc (tính từ Quảng Bình trở ra) và thí sinh có nơi thường trú ở khu vực phía Nam (từ Quảng Trị trở vào); thí sinh là quân nhân tại ngũ được xác định điểm chuẩn theo nơi thường trú;

- Nhà trường thống nhất sử dụng thang điểm 30, tương ứng với tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) theo thang điểm 10 để xét tuyển;

- Thực hiện quy đổi điểm bài thi ĐGNL của Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội, bài thi ĐGNL của ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh về thang điểm 30 để xét tuyển;

- Thí sinh được tính điểm chuẩn theo nơi thường trú phía Nam phải có đủ các điều kiện sau:

- + Có nơi thường trú từ tỉnh Quảng Trị trở vào;

- + Thời gian có nơi thường trú từ tỉnh Quảng Trị trở vào (tính đến tháng 9 năm dự tuyển) phải đủ 3 năm thường trú liên tục trở lên;

- + Có ít nhất năm lớp 12 học và dự thi tốt nghiệp THPT tại các tỉnh phía Nam.

- Điểm trúng tuyển (theo chỉ tiêu khu vực phía Nam và phía Bắc): Căn cứ vào tổng điểm thi của thí sinh: Gồm điểm thi của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc điểm thi ĐGNL, điểm khuyến khích, điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng; được làm tròn đến hai chữ số thập phân; thực hiện xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm thi cao nhất trở xuống đến đủ chỉ tiêu;

## **7. Tổ chức tuyển sinh**

### **7.1. Các mốc thời gian**

- Thời gian đăng ký sơ tuyển tại Ban TSQS các đơn vị, địa phương: Từ ngày 20/3/2025 đến ngày 20/5/2025;

- Thời gian đăng ký dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Thời gian xét tuyển: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, BQP năm 2025.

### **7.2. Hình thức đăng ký xét tuyển**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng PT1, PT2 tiến hành đăng ký và khai báo trên website: [tuyensinhquandoi.com](http://tuyensinhquandoi.com) đồng thời gửi hồ sơ trực tiếp về Nhà trường;

- Thí sinh đăng ký xét tuyển bằng PTXT3 đăng ký trên hệ thống (qua Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia).

### **7.3. Các điều kiện xét tuyển**

#### **7.3.1. Đăng ký sơ tuyển**

- Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội đăng ký sơ tuyển và mua hồ sơ sơ tuyển tại Ban TSQS cấp huyện (quận, thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), nơi thí sinh đăng ký thường trú (gọi chung là Ban TSQS cấp huyện); thí sinh là quân nhân tại ngũ đăng ký sơ tuyển và mua hồ sơ sơ tuyển tại đơn vị cấp trung đoàn hoặc tương đương (gọi chung là Ban TSQS cấp trung đoàn);

- Thí sinh phải trực tiếp đến Ban TSQS cấp huyện (đối với thanh niên ngoài Quân đội), đơn vị cấp trung đoàn hoặc tương đương (đối với quân nhân tại ngũ) để đăng ký, tự mình viết kê khai các mẫu biểu, hồ sơ đăng ký sơ tuyển và trực tiếp đến nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển theo đúng thời gian quy định;

- Khi đăng ký sơ tuyển, thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào một trường trong Quân đội ngay từ khi làm hồ sơ sơ tuyển (nếu trường có nhiều ngành đào tạo, thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một ngành); các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội, việc đăng ký thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Thí sinh đã tham gia sơ tuyển vào các trường thuộc Bộ Công an thì không được tham gia sơ tuyển vào các trường thuộc BQP.

#### 7.3.2. Đăng ký dự Kỳ thi THPT

Thí sinh thực hiện việc đăng ký dự thi theo quy định của Bộ GD&ĐT.

#### 7.3.3. Về môn thi

- Thí sinh chưa tốt nghiệp THPT phải dự thi các bài thi, môn thi để xét công nhận tốt nghiệp và đăng ký dự thi thêm các bài thi, môn thi phù hợp với bài thi, môn thi trong tổ hợp các môn thi mà thí sinh dùng để xét tuyển vào Trường Sĩ quan Pháo binh;

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, phải đăng ký dự thi các bài thi, môn thi phù hợp với tổ hợp bài thi, môn thi dùng để xét tuyển vào Trường Sĩ quan Pháo binh.

#### 7.4. Công bố kết quả tuyển sinh

Năm 2025, Nhà trường công bố công khai kết quả tuyển sinh theo Quy chế của Bộ GD&ĐT trên trang thông tin điện tử:

- Trường Sĩ quan Pháo binh Website: <http://www.tsqpb.edu.vn>

- BQP Website: <http://bqp.vn>

### 8. Chính sách ưu tiên

#### 8.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng trong tuyển sinh đại học thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT năm 2025.

#### 8.2. Chính sách ưu tiên theo khu vực

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực trong tuyển sinh đại học thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT năm 2025.

### 9. Tổ chức xét tuyển

#### 9.1 Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

##### 9.1.1. Đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

9.1.1.1. Đối tượng tuyển thẳng quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, như sau:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp THPT;

- Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế đối với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi liên quan đến Toán học do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

được xét tuyển thẳng vào trường trong năm tốt nghiệp THPT (chỉ bảo lưu đến năm thí sinh học xong lớp 12 và thi đạt tốt nghiệp THPT, những năm sau khi tốt nghiệp THPT không còn giá trị xét tuyển).

9.1.1.2. Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh, cụ thể như sau:

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;
- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Về học lực, thí sinh đạt các tiêu chuẩn:

- + Kết quả học tập 3 năm (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) đạt học lực khá trở lên, trong đó điểm tổng kết trung bình môn học năm lớp 12 của 3 môn học theo tổ hợp thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng phải đạt khá trở lên;

- + Điểm thi các bài thi/môn thi xét tốt nghiệp THPT đạt từ 6,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

- Về hạnh kiểm (rèn luyện): Xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) các năm học THPT hoặc tương đương của thí sinh phải đạt khá trở lên.

Những thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh khi trúng tuyển phải học bổ sung kiến thức 1 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quy định.

9.1.2. Đối tượng được ưu tiên xét tuyển

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học (thí sinh được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT), gồm:

- Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều 8 Quy chế tuyển sinh nhưng không dùng quyền xét tuyển thẳng, được ưu tiên xét tuyển vào trường;

- Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong Kỳ thi chọn HSG quốc gia; thí sinh đoạt giải Tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia đối với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi liên quan đến Toán học, Vật lý thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển, được ưu tiên xét tuyển vào trường trong năm tốt nghiệp THPT (chỉ bảo lưu đến năm thí sinh học xong lớp 12 và thi đạt tốt nghiệp THPT, những năm sau khi tốt nghiệp THPT không còn giá trị xét tuyển).

9.1.3. Môn, lĩnh vực đoạt giải được xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Toán học và Vật Lý.

9.1.4. Đăng ký xét tuyển

***Thí sinh chỉ được đăng ký xét tuyển tại trường khi đã nộp hồ sơ sơ tuyển.***

Thí sinh phải có 02 loại hồ sơ: 01 bộ hồ sơ sơ tuyển và 01 bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển.

- Hồ sơ sơ tuyển:

- + Thí sinh đăng ký và làm hồ sơ sơ tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự (TSQS) cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là Ban

TSQS cấp huyện) nơi thí sinh đăng ký thường trú trước ngày **25/6/2025**. Ban TSQS cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ban TSQS cấp tỉnh) gửi hồ sơ và danh sách về Nhà trường trước ngày **30/6/2025**;

+ Trường hợp thí sinh đã làm hồ sơ sơ tuyển và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1, Ban TSQS cấp tỉnh gửi Danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Nhà trường;

+ Thí sinh không qua sơ tuyển, không có hồ sơ sơ tuyển tại Nhà trường thì không được tham gia xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào đào tạo đại học quân sự tại Nhà trường;

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng thuộc diện quy định tại điểm b và điểm c, khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học phải đăng ký một tổ hợp xét tuyển trong số các tổ hợp mà Nhà trường tuyển sinh vào hồ sơ sơ tuyển ngay từ khi sơ tuyển, để làm căn cứ xét tuyển.

- Thí sinh làm 01 bộ hồ sơ xét tuyển thẳng nộp về Ban TSQS cấp huyện (cùng với hồ sơ sơ tuyển) đồng thời khai báo trên website: [tuyensinhquandoi.com](http://tuyensinhquandoi.com) trước ngày **30/6/2025**; Ban TSQS cấp huyện, Ban TSQS cấp tỉnh thẩm định, gửi hồ sơ và danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn về Nhà trường trước ngày **30/6/2025**. Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

+ Ít nhất một trong các bản photocopy Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia hoặc giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh.

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm b và điểm c, khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học gồm:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng;

+ Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học THPT;

+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh;

+ Xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú của Ban TSQS cấp huyện;

+ Thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước, nộp 01 bản sao hợp lệ Bằng tốt nghiệp THPT và Giấy chứng nhận kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm thí sinh dự thi;

+ Thí sinh tốt nghiệp năm 2025, khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT, nộp 01 bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT về Nhà trường trước ngày **25/7/2025**.

Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học; sau khi có thông báo trúng tuyển của Nhà trường, phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh) và phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển (nguyện vọng 1) trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT theo thời gian quy định (nếu có nguyện vọng theo học).

- Thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển phải đăng ký, dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định; phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển (cùng với hồ sơ sơ tuyển) tại Ban TSQS cấp huyện đồng thời khai báo trên website: [tuyensinhquandoi.com](http://tuyensinhquandoi.com) trước ngày **30/6/2025** và phải đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 vào trường nộp hồ sơ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; Ban TSQS cấp huyện, Ban TSQS cấp tỉnh thẩm định, gửi hồ sơ đủ tiêu chuẩn về Nhà trường trước ngày **30/6/2025**. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

- + Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển;
- + Ít nhất một trong các bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác.

#### 9.1.5. Xét tuyển

a) Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển cao hơn chỉ tiêu, Nhà trường thực hiện xét tuyển theo thứ tự:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng;
- Thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển.

b) Trường hợp số thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá chỉ tiêu quy định, Nhà trường tuyển theo thứ tự như sau:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng tại khoản 1, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT (tuyển thí sinh thí sinh theo thứ tự: Thí sinh đạt giải quốc tế trước, tiếp theo là thí sinh đạt giải quốc gia).
- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng tại điểm b và điểm c, khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.

c) Thí sinh đề nghị ưu tiên xét tuyển

Nhà trường căn cứ vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT của thí sinh hoặc kết quả kỳ thi ĐGNL đáp ứng tiêu chí quy định về ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng của Nhà trường trở lên, thì xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm thi, điểm khuyến khích và điểm ưu tiên theo tổ hợp các môn xét tuyển vào Nhà trường (*theo đăng ký của thí sinh*) từ cao trở xuống đến hết chỉ tiêu.

d) Đối với xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện quy định tại điểm b và điểm c, khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học

Điểm xét tuyển là tổng cộng điểm trung bình chung của 3 môn theo tổ hợp thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng trong 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cộng với điểm ưu tiên (nếu có). Xét tuyển theo phương thức lấy từ thí sinh có tổng số điểm cao nhất trở xuống đến đủ chỉ tiêu quy định.

#### 9.1.6. Tiêu chí phụ

a) Đối tượng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; ưu tiên xét tuyển

Trường hợp có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển như nhau, số lượng vượt quá chỉ tiêu quy định, Nhà trường xét theo các tiêu chí phụ như sau:

- Tiêu chí 1: Thí sinh đoạt giải cao hơn sẽ trúng tuyển;

- Tiêu chí 2: Sau khi xét Tiêu chí 1, Nhà trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có tiêu chí 1 thì thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển;

- Tiêu chí 3: Sau khi xét Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2, Nhà trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2 thì thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết môn học của môn đoạt giải đăng ký xét tuyển trong 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển (không phân biệt môn đoạt giải).

Khi xét đến Tiêu chí 3, vẫn còn nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, Nhà trường sẽ tổng hợp, báo cáo Ban TSQS/BQP xem xét, quyết định.

b) Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c, khoản 4, Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học

Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, Nhà trường xét theo các tiêu chí phụ như sau:

- Tiêu chí 1: Thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển;

- Tiêu chí 2: Sau khi xét Tiêu chí 1, Nhà trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có Tiêu chí 1: Thí sinh có điểm tổng kết của năm lớp 12 cao hơn sẽ trúng tuyển;

- Tiêu chí 3: Sau khi xét Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2, Nhà trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có Tiêu chí 1 và Tiêu chí 2: Thí sinh có điểm tổng kết của năm lớp 11 cao hơn sẽ trúng tuyển.

Khi xét đến Tiêu chí 3, vẫn còn nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, Nhà trường sẽ tổng hợp, báo cáo Ban TSQS/BQP xem xét, quyết định.

9.2. Xét tuyển từ kết quả các kỳ thi ĐGNL và kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

#### 9.2.1. Đối tượng

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; năm 2025, tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc Kỳ thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh để lấy điểm xét tuyển và có đủ các điều kiện:

- Đã tham gia sơ tuyển, được trường tiếp nhận hồ sơ thông báo đủ điều kiện sơ tuyển;

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định;

- Đăng ký nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào Nhà trường.

#### 9.2.2. Đăng ký xét tuyển

- Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi ĐGNL, thí sinh có hồ sơ quy đổi điểm ngoại ngữ, hồ sơ cộng điểm khuyến khích phải tiến hành khai báo trên website: [tuyensinhquandoi.com](http://tuyensinhquandoi.com) và gửi hồ sơ trực tiếp về Nhà

trường hoặc qua đường chuyển phát nhanh, chuyển phát ưu tiên (thời gian nhận hồ sơ tính theo dấu bưu điện) trước ngày **30/6/2025**. Hồ sơ gồm:

- + Mẫu phiếu đăng ký (Nhấn để tải)
- + 01 bản sao công chứng: kết quả thi ĐGNL hoặc các môn đoạt giải, chứng chỉ ngoại ngữ, học bạ THPT (đối với thí sinh được cộng điểm khuyến khích)
- Hướng dẫn thí sinh khai báo trên website: [tuyensinhquandoi.com](http://tuyensinhquandoi.com) (Tại đây)
- Địa chỉ nhận hồ sơ: Tuyển sinh/Phòng Đào tạo/Trường Sĩ quan Pháo binh, xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (SĐT: 0986 200 992)
- Đăng ký xét tuyển từ kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Trường hợp thí sinh không đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 tại Nhà trường, nếu chuyển nguyện vọng xét tuyển sang trường khác đúng quy định thì không phải chuyển các hồ sơ đã nộp; thí sinh vẫn được xét tất cả các phương thức đăng ký và được cộng điểm ưu tiên, điểm khuyến khích theo quy định.

- Thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển trong các học viện, trường nhóm 1 cùng nhóm với Nhà trường: Gồm các học viện: Hậu cần, Hải quân, Biên phòng, PK-KQ (hệ Chỉ huy Tham mưu) và các trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Đặc công, Tăng Thiết giáp, Phòng hóa, Thông tin, Công binh.

Thí sinh thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT năm 2025.

#### 9.2.3. Quy đổi điểm ngoại ngữ từ kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

##### a) Quy tắc chung

- Thực hiện quy đổi với thí sinh có kết quả điểm ngoại ngữ IELTS 5,5 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT 55 điểm trở lên;

- Trường hợp thí sinh vừa tham gia thi tốt nghiệp THPT môn ngoại ngữ vừa sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để quy đổi điểm xét tuyển, nếu phương án nào có điểm cao hơn sẽ được ưu tiên sử dụng phương án đó.

- Các chứng chỉ ngoại ngữ còn giá trị sử dụng đến **ngày 22/8/2025**.

##### b) Thang điểm quy đổi như sau:

| TT | Chứng chỉ IELTS | Chứng chỉ TOEFL iBT | Quy điểm môn tiếng Anh |
|----|-----------------|---------------------|------------------------|
| 1  | 8.0-9.0         | 110-120             | 10                     |
| 2  | 7.5             | 102-109             | 9,5                    |
| 3  | 7.0             | 93-101              | 9,0                    |
| 4  | 6.5             | 79-92               | 8,5                    |
| 5  | 5.5 - 6.0       | 55 - 70             | 8,0                    |

#### 9.2.4. Quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển

##### a) Sử dụng mã bài thi ĐGNL

Năm 2025, Nhà trường sử dụng bài thi của ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh và tất cả các mã bài thi của ĐHQG Hà Nội để xét tuyển.

##### b) Công thức quy đổi

Nhà trường căn cứ phổ điểm của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 để tính công thức quy đổi (thông báo sau).

#### 9.2.5. Cộng điểm khuyến khích

##### a) Đối tượng

- Nhóm 01: Học sinh đoạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển (*thí sinh được cộng điểm khuyến khích khi không sử dụng quyền xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển hoặc thí sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế một trong các môn theo tổ hợp xét tuyển*), gồm:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba và giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba và giải tư cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia.

- Nhóm 02: Thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh và có đủ các điều kiện sau:

+ Đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11, lớp 12;

+ Tham gia kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt giải nhất, nhì, ba một trong các môn theo tổ hợp xét tuyển hoặc tổ hợp cả 3 môn xét tuyển của trường dự tuyển.

- Nhóm 03: Thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh và có đủ các điều kiện sau:

+ Đạt học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11, lớp 12;

+ Có một trong các chứng nhận kết quả các kỳ thi ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, IELTS, TOEFL iBT)

\* Thí sinh đạt điểm SAT từ 1068 (tính theo thang điểm 1.600 điểm); điểm ACT từ 18.0 điểm (tính theo thang điểm 36 điểm)

\* Thí sinh đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS từ 5.5 điểm trở lên; chứng chỉ TOEFL từ 55 điểm trở lên.

***Thí sinh thuộc nhiều diện cộng điểm khuyến khích chỉ được tính mức điểm khuyến khích cao nhất.***

##### b) Mức điểm cộng

- ***Nhóm 1: Học sinh đoạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển (thí sinh được cộng điểm khuyến khích khi không sử dụng quyền xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển hoặc thí sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế một trong các môn theo tổ hợp xét tuyển)***

| TT | Thành tích                                                                   | Điểm cộng | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1  | Giải Nhất                                                                    | 3,00 điểm |         |
| 2  | Giải Nhì                                                                     | 2,75 điểm |         |
| 3  | Giải Ba                                                                      | 2,50 điểm |         |
| 4  | Giải Khuyến khích học sinh giỏi Quốc gia, quốc tế hoặc giải tư KHKT quốc gia | 2,25 điểm |         |

- ***Nhóm 02: Học sinh giỏi bậc THPT đoạt giải trong kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương***

| TT | Thành tích | Điểm cộng | Ghi chú |
|----|------------|-----------|---------|
| 1  | Giải Nhất  | 2,00 điểm |         |
| 2  | Giải Nhì   | 1,75 điểm |         |
| 3  | Giải Ba    | 1,50 điểm |         |

- **Nhóm 03: Học sinh giỏi bậc THPT có chứng nhận kết quả các kỳ thi ĐGNL quốc tế (SAT, ACT, IELTS, TOEFL iBT)**, các chứng chỉ còn giá trị sử dụng đến ngày 22/8/2025 (thời gian thông báo thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Kế hoạch tuyển sinh năm 2025 của Bộ GD&ĐT).

| TT | Chứng chỉ IELTS | Chứng chỉ TOEFL iBT | Điểm SAT (Thang 1600) | Điểm ACT (Thang 36) | Điểm cộng |
|----|-----------------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------|
| 1  | 8.0-9.0         | 110-120             | $\geq 1530$           | $\geq 34$           | 1,50 điểm |
| 2  | 7.5             | 102-109             | 1421 - 1530           | 30 - 33             | 1,25 điểm |
| 3  | 7.0             | 93-101              | 1321 - 1420           | 24 - 29             | 1,00 điểm |
| 4  | 6.5             | 79-92               | 1181 - 1320           | 20 - 23             | 0,75 điểm |
| 5  | 5.5 - 6.0       | 55 - 70             | 1068 - 1180           | 18-19               | 0,50 điểm |

9.2.6. Điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng.

Điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Điểm ưu tiên (ĐƯT): Là tổng điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng, tùy theo kết quả thi tốt nghiệp THPT điểm ưu tiên được xác định như sau:

- Các thí sinh có kết quả thi cộng với điểm khuyến khích dưới 22.5 điểm:

$$ĐƯT = \text{Điểm ưu tiên khu vực} + \text{Điểm ưu tiên đối tượng}.$$

- Các thí sinh có kết quả thi cộng với điểm khuyến khích đạt từ 22,5 điểm trở lên:

$$ĐƯT = [(30 - \text{Tổng điểm thi} - \text{Điểm khuyến khích})/7,5] \times (\text{Điểm ưu tiên khu vực} + \text{Điểm ưu tiên đối tượng})$$

Trong đó, “*Tổng điểm thi*” là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh sau khi đã quy đổi.

9.2.7. Tổng điểm xét tuyển

a) Nguyên tắc chung:

- Thực hiện quy đổi điểm bài thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội, bài thi ĐGNL của ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh về thang điểm 30;

- So sánh điểm quy đổi bài thi ĐGNL với điểm từ các tổ hợp theo kết quả trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả nào cao hơn sẽ đưa vào xét tuyển;

- Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm thi + Điểm khuyến khích + Điểm ưu tiên.

b) Phương pháp tính tổng điểm xét tuyển

- Tổng điểm đạt được: Là tổng điểm thi của thí sinh (theo kết quả của kỳ thi THPT hoặc kỳ thi ĐGNL) với điểm khuyến khích, được xác định:

$$\text{Tổng điểm đạt được} = \text{Tổng điểm thi} + \text{Điểm khuyến khích}.$$

+ Trường hợp *Tổng điểm đạt được* vượt quá 30 điểm, sẽ được quy về điểm tuyệt đối là 30 điểm;

+ Trường hợp *Tổng điểm đạt được* dưới 22,5 điểm, không phải quy đổi điểm ưu tiên;

+ Trường hợp *Tổng điểm đạt được* trên 22,5 điểm, thực hiện quy đổi điểm ưu tiên theo công thức đã nêu ở Mục 7.

- Tổng điểm xét tuyển = *Tổng điểm đạt được* + Điểm ưu tiên

- Ví dụ: Thí sinh A có kết quả thi tốt nghiệp THPT được 25,25 điểm; đạt giải Nhì môn Toán cấp quốc gia; Khu vực 2NT; đối tượng ưu tiên 06. Khi đó:

+ Điểm khuyến khích được xác định: Giải nhì = 2,75 điểm; Ưu tiên khu vực 2NT: 0,5 điểm; Ưu tiên đối tượng 06: 1,0 điểm.

+ Tổng điểm đạt được = 25,25 + 2,75 = 28,00 điểm.

+ Điểm ưu tiên =  $[(30,0 - 28,0)/7,5] \times (0,5 + 1,0) = 0,4$  điểm.

+ Điểm xét tuyển = 28,0 + 0,4 = **28,4 điểm**.

#### 9.2.8. Tiêu chí phụ

Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ như sau:

a) Tiêu chí 1: Ưu tiên các thí sinh đạt học sinh giỏi quốc tế, quốc gia và thí sinh diện học sinh giỏi bậc THPT có chứng nhận kết quả các kỳ thi ĐGNL quốc tế SAT, ACT, IELTS, TOEFL iBT (*các thí sinh có điểm khuyến khích cao hơn sẽ trúng tuyển*).

b) Tiêu chí 2: Khi xét xong Tiêu chí 1, vẫn có thí sinh bằng điểm và vượt quá chỉ tiêu được giao, thực hiện xét Tiêu chí 2 như sau:

- Ưu tiên sử dụng kết quả thi ĐGNL, thí sinh có điểm quy đổi tương đương cao hơn sẽ trúng tuyển.

- Nếu có nhiều thí sinh có kết quả ĐGNL bằng nhau:

+ Trường hợp các thí sinh bằng điểm đều có kết quả thi của ĐHQG Hà Nội thì thực hiện xét lần lượt theo điểm các thành phần: Toán học và xử lý số liệu, Ngôn ngữ và văn học và phần khoa học hoặc ngoại ngữ. Điểm phần nào cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Trường hợp các thí sinh bằng điểm đều có kết quả thi của ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh thì thực hiện xét lần lượt theo điểm các thành phần, phần Toán học, tiếng Việt, tiếng Anh và Tư duy khoa học. Điểm phần nào cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Trường hợp trong nhóm bằng điểm có đồng thời kết quả của 2 ĐHQG; Nhà trường sẽ báo cáo Ban TSQS/BQP xem xét, quyết định.

c) Tiêu chí 3: Khi xét xong Tiêu chí 2, vẫn có thí sinh bằng điểm và vượt quá chỉ tiêu được giao, thực hiện xét Tiêu chí 3 như sau: Khi thí sinh có cùng mức điểm thi THPT như nhau thì thực hiện xét thành phần điểm lần lượt theo thứ tự các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, tiếng Anh, Ngữ văn.

#### 10. Lệ phí sơ tuyển, lệ phí xét tuyển

Thực hiện theo quy định chung của Bộ GD&ĐT.

#### 11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Thí sinh trúng tuyển, đào tạo tại Trường Sĩ quan Pháo binh không phải

đóng học phí; được bố trí nơi ăn, ở, sinh hoạt miễn phí theo tiêu chuẩn, được bảo đảm phụ cấp hàng tháng theo quy định của BQP.

## **12. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2025**

- Địa chỉ Website của trường: <http://www.tsqpb.edu.vn>

- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

| STT | Họ và tên       | Chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                                                                  |
|-----|-----------------|--------------------|------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đỗ Văn Tâm      | Trợ lý TSQS        | 0986200992 | <a href="mailto:tuyensinhscqpb@gmail.com">tuyensinhscqpb@gmail.com</a> |
| 2   | Nguyễn Việt Đức | NV Máy tính        | 0965727113 | <a href="mailto:vietducqb113@gmail.com">vietducqb113@gmail.com</a>     |

## **13. Ngành đào tạo, tiêu chuẩn sức khỏe**

13.1. Ngành đào tạo: Chỉ huy tham mưu Pháo binh

13.2. Tiêu chuẩn sức khỏe

- Tuyển chọn thí sinh nam đạt Loại 1 và Loại 2 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP ngày 06/12/2023 của Bộ trưởng BQP quy định tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của BQP (sau đây viết gọn là Thông tư số 105/2023/TT-BQP), theo các chỉ tiêu: thể lực (trừ chiều cao, cân nặng có quy định riêng); mắt (trừ tật khúc xạ cận thị có quy định riêng); tai-mũi-họng, răng-hàm-mặt, nội khoa, thần kinh, tâm thần, ngoại khoa, da liễu.

+ Thể lực: Chỉ số BMI  $\leq 30$ ; Thí sinh nam cao từ 1,65 m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên;

+ Mắt: Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị.

- Thí sinh nam có nơi thường trú từ 3 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo phía Bắc, dự tuyển vào trường: Được tuyển thí sinh có thể lực đạt Điểm 1 và Điểm 2 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP nhưng phải đạt chiều cao từ 1,60 m trở lên, cân nặng từ 48 kg trở lên; Thí sinh nam có nơi thường trú từ 3 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo phía Nam (từ tỉnh Quảng Trị trở vào) và thí sinh là người dân tộc thiểu số, dự tuyển vào trường được lấy đến sức khỏe đạt Điểm 3 về thể lực theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP.

- Thí sinh nam là người dân tộc thiểu số thuộc 16 dân tộc rất ít người theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (gồm các dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) dự tuyển vào trường: Được lấy chiều cao từ 1,58 m trở lên, nặng 46 kg trở lên; các tiêu chuẩn khác thực hiện như đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số nói chung.

## **14. Xét tuyển bổ sung**

- Khi tuyển nguyện vọng 1 vào Trường Sĩ quan Pháo binh còn thiếu chỉ tiêu hoặc khi thí sinh đến nhập học không đủ và đến nhập học nhưng không đủ tiêu chuẩn nhập học, phải loại ra, số lượng vào học thực tế còn thiếu so với chỉ

tiêu BQP giao, thì trường xét tuyển nguyện vọng bổ sung cho đủ chỉ tiêu; quy trình xét tuyển thực hiện theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và BQP bảo đảm tỷ lệ vùng, miền;

- Việc xét tuyển nguyện vọng bổ sung đào tạo đại học quân sự vào trường: Chỉ xét tuyển những thí sinh đăng ký dự tuyển vào đại học hệ quân sự các trường trong Quân đội (phải cùng nhóm trường theo quy định của Ban TSQS/BQP), không trúng tuyển nguyện vọng 1; đã tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT (trong năm đăng ký xét tuyển), có đủ điều kiện về sức khỏe, vùng tuyển và tổ hợp môn xét tuyển của trường và chỉ được xét tuyển khi trường còn chỉ tiêu tuyển sinh;

- Xét tuyển bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần. Thí sinh có thể thực hiện đăng ký xét tuyển bổ sung trực tuyến hoặc theo phương thức khác theo quy định của Bộ GD&ĐT, BQP.

### **15. Công bố điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển; báo gọi thí sinh trúng tuyển nhập học**

#### **15.1. Công bố điểm chuẩn, danh sách trúng tuyển**

Nhà trường thông báo điểm chuẩn trúng tuyển, công bố danh sách thí sinh trúng tuyển tại chuyên mục tuyển sinh trên (Website: <http://www.tsqpb.edu.vn>) theo đúng thời gian quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Ban TSQS/BQP. Thí sinh trong danh sách trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến theo quy định của Bộ GD&ĐT.

#### **15.2. Báo gọi thí sinh trúng tuyển nhập học**

- Đối với thí sinh trúng tuyển, Nhà trường gửi Giấy báo nhập học về Ban TSQS tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương), nơi thí sinh đăng ký sơ tuyển (không gửi trực tiếp đến thí sinh trúng tuyển);

- Thí sinh trúng tuyển làm thủ tục tại Ban TSQS quận (huyện, thị xã, thành phố) trực thuộc tỉnh (thành phố) trực thuộc Trung ương, nơi đăng ký sơ tuyển và nhập học tại Trường Sĩ quan Pháo binh theo đúng thời gian, địa điểm ghi trong Giấy báo nhập học./.

### **HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH QUÂN SỰ TRƯỜNG SĨ QUAN PHÁO BINH**